

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

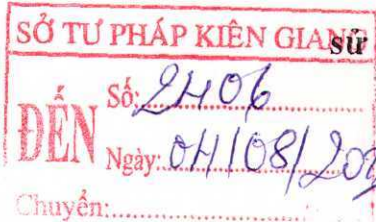
Số: **38** /2016/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý,**

**sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC; Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 97/2010/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 8 năm 2016.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: QH, CP, CTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, laluc.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Tuyết Em**

**QUY ĐỊNH****Về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38 /2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chưa quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.

**Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền đối với các nội dung sau:

1. Mua sắm tài sản nhà nước;
2. Thuê tài sản;
3. Thu hồi tài sản nhà nước;
4. Điều chuyển tài sản nhà nước;
5. Bán tài sản nhà nước;
6. Thanh lý tài sản nhà nước;
7. Tiêu hủy tài sản nhà nước.

**Chương II****PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC  
TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

#### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm:

- a) Xe ô tô, phương tiện vận tải các loại.
- b) Các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản nhà nước có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 lần mua sắm, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với việc mua sắm tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị, do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu. Các trường hợp mua sắm tài sản theo phương thức tập trung thì thực hiện theo quy định về mua sắm tài sản tập trung.

#### **Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản**

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc

a) Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh có giá trị tiền thuê từ 200 triệu đồng/năm trở lên theo đề nghị của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị tiền thuê dưới 200 triệu đồng/năm.

c) Đối với việc thuê trụ sở làm việc từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản

xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị do thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được quyết định.

d) Đối với việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp do người đứng đầu của tổ chức quyết định theo quy định của pháp luật về dân sự và điều lệ của tổ chức. Tiền thuê tài sản được chi trả từ kinh phí của tổ chức.

## 2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị làm việc và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

## **Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các tài sản, gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi tài sản nhà nước là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong phạm vi nội bộ ngành và cấp mình quản lý, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước**

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức về trụ sở làm việc và tiêu chuẩn, định mức về trang thiết bị làm việc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải các loại; các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính điều chuyển tài sản nhà nước là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài phạm vi ngành, phạm vi huyện trên cơ sở đề nghị của đơn vị đang sử dụng và đơn vị có nhu cầu sử dụng tài sản đối với các loại tài sản còn lại, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ theo ngành và cấp quản lý, trừ tài sản quy định tại Điểm 1 Điều này.

### **Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải các loại; tài sản khác có giá trị còn lại theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính quyết định bán tài sản nhà nước là các tài sản khác có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước**

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng tài sản quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi mình quản lý đối với các loại tài sản còn lại và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

### **Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước**

1. Tài sản nhà nước bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quyết định mua sắm theo phân cấp thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó ra quyết định tiêu hủy tài sản.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quy định cụ thể việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Tuyết Em**